HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
XÃ CẨM XUYÊN

PHỤ LỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2026-2030 XÃ CẨM XUYÊN

(Kèm theo NQ số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2026 của HĐND xã Cẩm Xuyên)

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch đầu tư công trung hạn đã được thông qua tại Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 30/6/2026	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Mức vốn sau điều chỉnh	Ghi chú
1	*2*					*6*
	Tổng số	**935.850**	**16.893**	**5.893**	**946.850**	
I	**Bố trí vốn trả nợ xây dựng cơ bản**	**737,914**	**0,000**	**0,000**	**737,914**	
1	Cải tạo SC tường rào, hành lang cầu TH cơ sở thị trấn Cẩm Xuyên	21,200			21,200	
2	Tu bổ, Tôn tạo Di tích Đền Nguyễn Biên	45,615			45,615	
3	Nhà văn hóa tổ dân phố 6	31,500			31,500	
4	Hạ tầng khu dân cư TDP 6, thị trấn Cẩm Xuyên	17,974			17,974	
5	Nâng cấp sân trường, thư viện xanh, sân bóng và các hạng mục khác Trường tiểu học thị trấn Cẩm Xuyên 2	7,324			7,324	
6	Xây dựng phục hồi, nâng cấp mặt đường BTXM bằng thảm nhựa các TDP năm 2025 (Cty Thảo Nguyên)	161,323			161,323	
7	Xây dựng cống thoát nước tại TDP 7 (Cty thương mại Cẩm Xuyên)	10,996			10,996	
8	Phục hồi, nâng cấp mặt đường BTXM theo cơ chế hỗ trợ xã Cẩm Quan năm 2025	147,119			147,119	
9	Đường giao thông BTXM theo cơ chế hỗ trợ xã cẩm Quan năm 2025	101,227			101,227	
10	Tư vấn khảo sát địa hình, lập quy hoạch chi tiết xây dựng khu trung tâm xã Cẩm Quan, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh, tỷ lệ 1/500	26,073			26,073	
11	Tư vấn kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 xã Cẩm Quan	142,035			142,035	
12	Công trình nâng cấp cột điện ĐZ 22KV đảm bảo khoảng cách an toàn cột 10 đến cột 14 thuộc đường dây 47E18.9 xã Cẩm Quang, huyện Cẩm Xuyên	25,528			25,528	
II	**Bố trí vốn thực hiện Quy hoạch chung xây dựng xã, Quy hoạch chi tiết các dự án**	**5.000**			5.000,000	

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch đầu tư công trung hạn đã được thông qua tại Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 30/6/2026	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Mức vốn sau điều chỉnh	Ghi chú
III	**Bố trí vốn để xây dựng mới các công trình, dự án**	**901.547,867**	**16.893,000**	**0,000**	**918.440,867**	
	Lĩnh vực giáo dục (29)	**151.990**	**0**	**0**	**151.990**	
1	Sân, mương thoát nước nội bộ Trường mầm non Cẩm Quan	2.200			2.200,000	
2	Sân thể dục, thể thao Trường THCS Nguyễn Hữu Thái	1.400			1.400,000	
3	Xây dựng Nhà bếp, nhà ăn và cải tạo nhà ngủ bán trú Trường TH thị trấn Cẩm Xuyên 2	3.500			3.500,000	
4	Cải tạo nhà học 2 tầng 16 phòng Trường TH Thị trấn Cẩm Xuyên 1	2.000			2.000,000	
5	Cải tạo nhà học 2 tầng 8 phòng, cổng, đường trước cổng Trường mầm non Cẩm Quang và Xây dựng cổng, hàng rào, nhà bảo vệ Trường tiểu học Cẩm Quang	2.200			2.200,000	
6	Nhà hiệu bộ kết hợp nhà học bộ môn 2 tầng Trường TH thị trấn Cẩm Xuyên 2	12.000			12.000,000	
7	Nhà học bộ môn 3 tầng 9 phòng Trường Tiểu học Thị trấn Cẩm Xuyên 1	12.500			12.500,000	
8	Cổng, Hàng rào Trường THCS thi trấn Cẩm Xuyên	2.500			2.500,000	
9	Xây dựng nhà học 2 tầng 10 phòng Trường mầm non thị trấn Cẩm Xuyên điểm 2	17.000			17.000,000	
10	Cải tạo nhà Hội trường, nhà làm việc 3 tầng Trụ sở UBND xã Cẩm Quang cũ thành nhà đa năng, nhà hiệu bộ Trường THCS Nguyễn Hữu Thái	2.500			2.500,000	
11	Cổng, hàng rào, nhà bảo vệ Trường tiểu học thị trấn Cẩm Xuyên 2	2.000			2.000,000	
12	Cải tạo nhà học 3 tầng 12 phòng và nhà học chức năng Trường Tiểu học Thị trấn Cẩm Xuyên 1	2.500			2.500,000	
13	Cải tạo, nâng cấp dãy phòng chức năng, xây thêm 02 phòng học bộ môn Trường THCS Phan Đình Giót	5.300			5.300,000	
14	Cải tạo nhà học 2 tầng 14 phòng, 2 tầng 12 phòng, nhà hiệu bộ Trường tiểu học Cẩm Quang	4.000			4.000,000	
15	Sân mương thoát nước nội bộ, nhà xe, cầu nối Trường THCS Nguyễn Hữu Thái	3.500			3.500,000	
16	Sân, mương thoát nước nội bộ, nhà xe Trường mầm non thị trấn Cẩm Xuyên điểm 2	3.700			3.700,000	

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch đầu tư công trung hạn đã được thông qua tại Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 30/6/2026	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Mức vốn sau điều chỉnh	Ghi chú
17	Xây dựng cổng, hàng rào, nhà bảo vệ Trường mầm non thị trấn Cẩm Xuyên điểm 2	2.200			2.200,000	
18	Cổng, hàng rào, nhà bảo vệ Trường TH&THCS Phan Đình Giót	2.550			2.550,000	
19	Sân, mương thoát nước nội bộ Trường tiểu học Cẩm Quang	2.340			2.340,000	
20	Xây dựng nhà hành chính và chức năng 2 tầng 14 phòng Trường mầm non Cẩm Quang	17.000			17.000,000	
21	Xây dựng tầng 3 dãy nhà học chức năng 3 tầng 9 phòng Trường THCS thị trấn Cẩm Xuyên	2.500			2.500,000	
22	Nhà đa chức năng Trường Tiểu học thị trấn Cẩm Xuyên 2	6.500			6.500,000	
23	Sân, mương thoát nước nội bộ, nhà xe Trường Tiểu học thị trấn Cẩm Xuyên 2	3.800			3.800,000	
24	Nhà đa chức năng Trường tiểu học Cẩm Quang	6.500			6.500,000	
25	Cải tạo nhà Hội trường Trụ sở UBND xã Cẩm Quan cũ thành nhà đa chức năng Trường TH&THCS Phan Đình Giót	1.500			1.500,000	
26	Sân, mương thoát nước nội bộ, nhà xe, cầu nối (khuôn viên Trụ sở UBND xã Cẩm Quan cũ) Trường TH&THCS Phan Đình Giót	3.300			3.300,000	
27	Nhà làm việc Trung tâm Chính trị huyện Cẩm Xuyên	5.500			5.500,000	
28	Nhà hiệu bộ kết hợp phòng học bộ môn, nhà bếp ăn Trường mầm non Cẩm Xuyên	19.500			19.500,000	
	Lĩnh vực Văn hóa, Y tế (5)	***50.450***	***5.893***	***0***	***56.343***	
1	Xây dựng nhà văn hóa thôn đợt 1	15.000			15.000,000	
2	Xây dựng nhà văn hóa thôn đợt 2	15.000			15.000,000	
3	Xây dựng nhà văn hóa thôn đợt 3	15.000			15.000,000	
4	Đài truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin viễn thông xã Cẩm Xuyên (Giai đoạn 2)	950			950,000	
5	Cải tạo, nâng cấp Nhà văn hóa thôn Cẩm Huy	3.000			3.000,000	
6	Cải tạo Trạm Y tế xã Cẩm Xuyên	1.500			1.500,000	
7	Cải tạo, nâng cấp Nghĩa trang liệt sỹ Rú Hội, xã Cẩm Xuyên	0	4.343		4.343,000	
8	Tu bổ, phục hồi di tích Đền thờ Nguyễn Biên, xã Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh	0	1.550		1.550,000	

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch đầu tư công trung hạn đã được thông qua tại Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 30/6/2026	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Mức vốn sau điều chỉnh	Ghi chú
	Lĩnh vực Giao thông (17)	***293.558***	***11.000***	***0***	***304.558***	
1	Xây dựng và mở rộng đường bê tông xi măng trục thôn, ngõ xóm, nội đồng năm 2026	3.000			3.000,000	
2	Xây dựng Đường giao thông, mở rộng đường giao thông (trục thôn, ngõ xóm, nội đồng) bằng bê tông xi măng năm 2027	3.000			3.000,000	
3	Xây dựng Đường giao thông, mở rộng đường giao thông (trục thôn, ngõ xóm, nội đồng) bằng bê tông xi măng năm 2028	3.000			3.000,000	
4	Xây dựng, mở rộng đường giao thông (trục thôn, ngõ xóm, nội đồng) bằng bê tông xi măng năm 2029	3.000			3.000,000	
5	Xây dựng, mở rộng đường giao thông (trục thôn, ngõ xóm, nội đồng) bằng bê tông xi măng năm 2030	3.000			3.000,000	
6	Xây dựng Đường giao thông (trục thôn, ngõ xóm) bằng bê tông nhựa nóng năm 2026	9.558			9.557,867	
7	Xây dựng Đường giao thông (trục thôn, ngõ xóm) bằng bê tông nhựa nóng năm 2027	5.000			5.000,000	
8	Xây dựng Đường giao thông (trục thôn, ngõ xóm) bằng bê tông nhựa nóng năm 2028	5.000			5.000,000	
9	Xây dựng Đường giao thông (trục thôn, ngõ xóm) bằng bê tông nhựa nóng năm 2029	5.000			5.000,000	
10	Xây dựng Đường giao thông (trục thôn, ngõ xóm) bằng bê tông nhựa nóng năm 2030	5.000			5.000,000	
11	Đường vào, bãi đỗ xe nhà thờ anh hùng liệt sỹ Phan Đình Giót	7.000			7.000,000	
12	Xây dựng điểm đấu nối đường vành đai xã Cẩm Xuyên (đoạn từ QL8C - QL1) vào QL1 tại Km528+00 (phía trái tuyến)	25.000			25.000,000	
13	Đường trục xã TX24 và tuyến nhánh đoạn từ đường nối lên cao tốc Bắc Nam đến đường vào Trường TH&THCS Phan Đình Giót (thôn Vĩnh Phú)	12.000			12.000,000	
14	Đường trục xã TX 89B (xã Cẩm Quang cũ) từ đường ĐH 123 đến đường dự kiến từ đường nối lên cao tốc đi xã Yên Hòa	25.000			25.000,000	
15	Đường trục xã TX87 đoạn từ đường ĐH 133 đến đường nối lên cao tốc	25.000			25.000,000	
16	Mở rộng đường Nguyễn Biên đoạn từ ngã tư đường Thiên Cầm đến ngã tư đường Nguyễn Đình Liễn	45.000			45.000,000	
17	Đường vành đai xã Cẩm Xuyên, điểm đầu từ đường Nguyễn Đình Liễn đến điểm giao nhau với đường nối lên cao tốc đến Yên Hòa	20.000			20.000,000	

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch đầu tư công trung hạn đã được thông qua tại Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 30/6/2026	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Mức vốn sau điều chỉnh	Ghi chú
18	Đường ĐH.124 từ chân cầu vượt cao tốc Bắc Nam đến khu vực sản xuất nông nghiệp hữu cơ xã Cẩm Xuyên	0	11.000		11.000,000	
19	Cầu trên tuyến ĐH131 đoạn qua Kênh chính Kẻ gỗ	10.000			10.000,000	
20	Đường dọc bờ kè sông Hội đoạn từ cầu Hội cũ đến cầu Hội mới	80.000			80.000,000	
	Lĩnh vực Hạ tầng kỹ thuật (27)	***221.050***	***0***	***0***	***221.050***	
1	Đường, mương thoát nước khu dân cư thôn 14, giai đoạn 3	9.000			9.000,000	
2	Đường, mương thoát nước khu dân cư thôn 6, xã Cẩm Xuyên (phục vụ tái định cư)	1.500			1.500,000	
3	Đường, mương thoát nước khu dân cư vùng gần nha ông Trúc thôn 10	9.500			9.500,000	
4	Đương, mương thoát nước khu dân cư thôn Thanh Mỹ	2.000			2.000,000	
5	Đương, mương thoát nước khu dân cư vùng Đồng Má, thôn Thọ Sơn; vùng Đền Chùa thôn Trung Thành, vùng Sân bóng thôn Ưu Tràng	10.600			10.600,000	
6	Mương thoát nước dọc đường ĐH 131 đoạn qua Trường tiểu học thị trấn Cẩm Xuyên 2	1.500			1.500,000	
7	Hệ thống đường ông cấp nước sạch khu dân cư xã Cẩm Xuyên	1.750			1.750,000	
8	Đường, mương thoát nước khu dân cư thôn 10 giai đoạn 3	7.000			7.000,000	
9	Đương, mương thoát nước khu dân cư thôn Nam Vinh	4.000			4.000,000	
10	Đương, mương thoát nước khu dân cư thôn Thọ Sơn	2.500			2.500,000	
11	Đương, mương thoát nước khu dân cư thôn Trung Sơn	2.500			2.500,000	
12	Đương, mương thoát nước khu dân cư thôn Quang Đồng	2.000			2.000,000	
13	Đương, mương thoát nước khu dân cư thôn Đông Thành	2.000			2.000,000	
14	Đương, mương thoát nước khu dân cư thôn Nam Thành	2.500			2.500,000	
15	Đương, mương thoát nước khu dân cư thôn Trung Thành	3.000			3.000,000	
16	Đương, mương thoát nước khu dân cư thôn Nam Vinh giai đoạn 2	3.000			3.000,000	

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch đầu tư công trung hạn đã được thông qua tại Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 30/6/2026	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Mức vốn sau điều chỉnh	Ghi chú
17	Đương, mương thoát nước khu dân cư thôn Ưu Tràng	2.500			2.500,000	
18	Đương, mương thoát nước khu dân cư thôn Thanh Mỹ	2.500			2.500,000	
19	Đương, mương thoát nước khu dân cư thôn Vĩnh Phú	2.500			2.500,000	
20	Đương, mương thoát nước khu dân cư thôn Chi Quan	2.500			2.500,000	
21	Đường, mương thoát nước khu dân cư vùng trường chính trị cũ, thôn 4	3.000			3.000,000	
22	Đương, mương thoát nước khu dân cư tại nhà văn hóa tổ 10 cũ	1.000			1.000,000	
23	Trồng cây xanh bóng mát trên các trục đường giao thông chính	2.000			2.000,000	
24	Chỉnh trang hệ thống hạ tầng kỹ thuật Quốc lộ 1A đoạn qua địa bàn xã Cẩm Xuyên (đoạn từ ngã ba cầu Tùng đến cầu Họ)	60.000			60.000,000	
25	Đường điện chiếu sáng đường trục xã Cẩm Huy cũ	10.000			10.000,000	
26	Nâng cấp sân, làm mới mái che tại trụ sở UBND xã Cẩm Xuyên	700			700,000	
27	Đường, mương thoát nước khu dân cư vùng Trường TH&THCS Phan Đình Giót CS1, CS2; vùng Trường mầm non Cẩm Huy; vùng nhà văn hóa thôn 6, thôn 8 cũ; Trạm y tế thị trấn Cẩm Xuyên cũ và một số khu vực đất do UBND xã quản lý khác	12.000			12.000,000	
28	Đường, mương thoát nước khu dân cư vùng thôn 10, giai đoạn 2; vùng QH trụ sở công an thị trấn Cẩm Xuyên cũ (bao gồm cả GPMB)	18.000			18.000,000	
29	Chỉnh trang tuyến đường Nguyễn Đình Liễn, xã Cẩm Xuyên	40.000			40.000,000	
	Lĩnh vực Hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp, Phòng chống thiên tai (7)	***170.500***	***0***	***0***	***170.500***	
1	Xây dựng Kênh tưới, tiêu nội đồng năm xã Cẩm Xuyên	2.000			2.000,000	
2	Xây dựng hệ thống mương thoát nước trong các khu dân cư xã Cẩm Xuyên	2.000			2.000,000	
3	Xây dựng Kênh tưới, tiêu nội đồng, mương thoát nước trong khu dân cư năm 2027	4.000			4.000,000	
4	Xây dựng Kênh tưới, tiêu nội đồng, mương thoát nước trong khu dân cư năm 2028	4.000			4.000,000	

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch đầu tư công trung hạn đã được thông qua tại Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 30/6/2026	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Mức vốn sau điều chỉnh	Ghi chú
5	Xây dựng Kênh tưới, tiêu nội đồng, mương thoát nước trong khu dân cư năm 2029	4.000			4.000,000	
6	Xây dựng Kênh tưới, tiêu nội đồng, mương thoát nước trong khu dân cư năm 2030	4.000			4.000,000	
7	Kênh tiêu úng nội đồng đoạn từ thôn Ưu Tràng đến Sông Rào Cái	3.000			3.000,000	
8	Kênh tiêu đoạn từ đường Nguyễn Đình Liễn (cạnh Trường THCS TT Cẩm Xuyên) đến Kênh tiêu cầu ông Bát	3.500			3.500,000	
9	Kè và Đường dọc bờ kè sông Hội đoạn từ cầu Tùng đến Cầu Hội cũ (bờ hữu)	80.000			80.000,000	
10	Kênh tưới từ Kênh N2 thôn Thiện Nộ	4.000			4.000,000	
11	Kênh tiêu thoát lũ qua cầu Ông Bát đến Quốc lộ 1A	60.000			60.000,000	
	An ninh, quốc phòng	**14.000**	**0**	**0**	**14.000**	
1	Cải tạo Trụ sở làm việc Ban Chỉ huy Quân sự xã Cẩm Xuyên	4.000			4.000,000	
2	Xây dựng Khu căn cứ chiến đấu giả định phục vụ huấn luyện, diễn tập, sẵn sàng chiến đấu	10.000			10.000,000	
IV	**Dự phòng**	**28.564**		**5.893**	**22.671,219**	